TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1309/2019/QĐST-DS	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.
Thư ký phiên họp: Ông Bùi Trường An – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Yến Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 197/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2019 về việc "Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 4322/2019/QĐST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1965.

Địa chỉ: 468/32/4 (số cũ 468/45F) Đường P, Phường I, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bị yêu cầu:* Ông Lê Đức L, sinh năm 1954.

Nơi cư trú cuối cùng: 468/32/4 (số cũ 468/45F) Đường P, Phường I, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đỗ Thị Q, sinh năm 1931.
2. Bà Lê Thị T1, sinh năm 1958.

Cùng địa chỉ: 468/32/4 (số cũ 468/45F) Đường P, Phường I, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Lê Thị Minh T2, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Charlerwood Circ Brampton, on L7A 1Z1, Canada.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Q, bà T1 và bà T2: Bà Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1965.

Địa chỉ: 468/32/4 (số cũ 468/45F) Đường P, Phường I, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự đều có yêu cầu xin được vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo Đơn yêu cầu và Bản tự khai, bà Lê Thị Mỹ D trình bày:

Cha mẹ bà là ông Lê Văn H, sinh năm 1921 (chết năm 1987) và bà Đỗ Thị Q, sinh năm 1931 có 04 (Bốn) người con, bao gồm: Ông Lê Đức L, sinh năm 1954; bà Lê

Thị T1, sinh năm 1958; bà Lê Thị Minh T2, sinh năm 1961 và bà là Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1965.

Vào khoảng năm 1989, anh bà là ông Lê Đức L đã bỏ nhà ra đi đến nay vẫn không có bất cứ thông tin liên lạc nào với gia đình. Gia đình bà đã nhiều lần đi tìm kiếm nhưng ông L đã biệt tích khỏi địa phương 30 năm nay mà không có thông tin là còn sống.

Do đó, bà yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Lê Đức L đã chết để bổ túc hồ sơ xin khai nhận di sản thừa kế của ông Lê Văn H.

Theo Bản tự khai, bà Đỗ Thị Q trình bày:

Vào khoảng năm 1989, con bà là ông Lê Đức L, sinh năm 1954 đã bỏ nhà ra đi đến nay vẫn không có bất cứ thông tin liên lạc nào với gia đình. Gia đình bà đã nhiều lần đi tìm kiếm, đến nay đã 30 năm mà không có thông tin là còn sống.

Do đó, con bà là bà Lê Thị Mỹ D đã đại diện gia đình làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Lê Đức L đã chết để bổ túc hồ sơ xin khai nhận di sản thừa kế của ông Lê Văn H.

Theo Bản tự khai, bà Lê Thị T1 trình bày:

Ông Lê Đức L, sinh năm 1954 là anh bà, đã bỏ nhà đi từ năm 1989 đến nay không có liên lạc với gia đình. Gia đình bà đã nhiều lần tìm kiếm, đến nay đã 30 năm mà không có thông tin là còn sống.

Do đó, em bà là bà Lê Thị Mỹ D đã đại diện gia đình làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Lê Đức L đã chết để bổ túc hồ sơ xin khai nhận di sản thừa kế của ông Lê Văn H, và bà đồng ý với nội dung này.

Theo Bản tự khai, bà Lê Thị Minh T2 trình bày:

Cha mẹ bà là ông Lê Văn H, sinh năm 1921 (chết năm 1987) và bà Đỗ Thị Q, sinh năm 1931 có 04 (Bốn) người con, bao gồm: Ông Lê Đức L, sinh năm 1954; bà Lê Thị T1, sinh năm 1958; bà là Lê Thị Minh T2, sinh năm 1961 và bà Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1965.

Vào năm 1989, ông Lê Đức L đã bỏ nhà đi, gia đình không liên lạc được, dù đã nhiều lần tìm kiếm nhưng không có tin tức, đến nay đã 30 năm.

Do đó, em bà là bà Lê Thị Mỹ D đã đại diện gia đình làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Lê Đức L đã chết để bổ túc hồ sơ xin khai nhận di sản thừa kế của ông Lê Văn H, và bà đồng ý với nội dung này.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý việc dân sự đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết việc dân sự, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự thì có cơ sở xác định rằng ông Lê Đức L biệt tích đã 05 năm liền trở lên mà không có tin tức xác thực là còn sống hay đã chết. Gia đình của ông Lê Đức L cũng xác định sự việc xảy ra đúng như lời trình bày của bà Lê Thị Mỹ D. Do đó Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Mỹ D, tuyên bố ông Lê Đức L, sinh năm 1954, là đã chết. Ngày chết của ông Lê Đức L là ngày được quy định tại Điều 71 và Điều 72 Bộ luật Dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về yêu cầu giải quyết việc dân sự và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Cá nhân có quyền yêu cầu giải quyết việc dân sự tại Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật tố tụng. Trong việc dân sự mà bà Lê Thị Mỹ D yêu cầu giải quyết nêu trên, có đương sự là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đang cư trú tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ nên Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Khoản 3 Điều 35, Điều 361 và Điều 362 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét, do bà Lê Thị Mỹ D là em ruột của ông Lê Đức L nên đương sự có quyền yêu cầu Toà án tuyên bố ông Lê Đức L là đã chết.

[2] Về tố tụng:

Các đương sự đều yêu cầu xin được vắng mặt, có lập thành văn bản nộp cho Tòa án. Do đó, căn cứ vào Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

[3] Về nội dung:

Theo bà Lê Thị Mỹ D trình bày: Vào khoảng năm 1989, ông Lê Đức L đã bỏ nhà ra đi đến nay vẫn không có bất cứ thông tin liên lạc nào với gia đình. Gia đình đã nhiều lần đi tìm kiếm nhưng ông Lê Đức L đã biệt tích khỏi địa phương 30 năm nay mà không có thông tin là còn sống. Do đó, bà Lê Thị Mỹ D yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Lê Đức L đã chết để bổ túc hồ sơ xin khai nhận di sản thừa kế của ông Lê Văn H.

Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, bà Lê Thị Mỹ D cung cấp địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của ông Lê Đức L là tại số 468/32/4 (số cũ 468/45F) Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét, theo sự xác nhận của Công an Phường 9, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Lê Đức L, sinh năm 1954, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 468/45F Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1982 đến năm 1989, nay là số 468/32/4 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ năm 1989 đến nay, ông Lê Đức L đi đâu không rõ, hiện ông Lê Đức L đã bị xóa hộ khẩu tại địa chỉ nêu trên.

Ngày 14/5/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành quyết định thông báo tìm kiếm thông tin về ông Lê Đức L. Bà Lê Thị Mỹ D đã thực hiện trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng đến ngày mở phiên họp vẫn không có tin tức về ông Lê Đức L.

Như vậy tính cho đến nay thì đã quá 05 năm liền kể từ thời điểm biết được tin tức cuối cùng về ông Lê Đức L mà vẫn không có tin tức xác thực là ông Lê Đức L còn sống hay đã chết. Căn cứ vào Điểm d Khoản 1 Điều 71 Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu của bà Lê Thị Mỹ D trong việc dân sự này là có căn cứ để được Tòa án chấp nhận.

Theo xác nhận của Công an Phường 9, Quận 10 và lời trình bày của gia đình ông Lê Đức L, thì ông Lê Đức L đã bỏ nhà ra đi khỏi địa phương từ năm 1989 đến nay vẫn không có bất cứ thông tin nào về ông Lê Đức L. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 68, Điểm d Khoản 1 và Khoản 2 Điều 71 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì xác định ngày chết của ông Lê Đức L là ngày 01 tháng 01 năm 1995.

[4] Về lệ phí dân sự sơ thẩm:

Do Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Mỹ D nên bà Lê Thị Mỹ D phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 27, Điều 37, Điều 39, Điều 361, Điều 367, Điều 370, Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 22 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu giải quyết việc dân sự là bà Lê Thị Mỹ D như sau:

Tuyên bố ông Lê Đức L, sinh năm 1954, địa chỉ nơi cư trú cuối cùng tại số 468/32/4 (số cũ 468/45F) Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh là đã chết.

Ngày chết của ông Lê Đức L là ngày 01 tháng 01 năm 1995.

Quan hệ về tài sản của ông Lê Đức L được giải quyết như đối với người đã chết và tài sản của ông Lê Đức L được giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế.

Bà Lê Thị Mỹ D phải thực hiện đăng ký khai tử cho ông Lê Đức L theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

2/ Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Bà Lê Thị Mỹ D phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0015024 ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị Mỹ D đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Võ Thị Mỹ Hạnh